

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 - 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>	5 - 6
<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	7
<b>Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ</b>	8
<b>Thuyết minh Báo cáo tài chính</b>	9 - 25



# **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xi Măng Thái Bình tiền thân là Xi nghiệp Xi măng Thái Bình được thành lập theo Quyết định số 163/TC ngày 15 tháng 12 năm 1979 của UBND tỉnh Thái Bình và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình theo Quyết định số 1343/QĐ-UB ngày 22/10/2001 của UBND tỉnh Thái Bình. Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0803000039 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 25 tháng 09 năm 2017.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: TBX

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 01 Quách Đình Bảo, Cụm CN Phong Phú, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Bà	Bùi Thị Nguyễn Hạnh	Chủ tịch
Ông	Hoàng Xuân Hải	Ủy viên
Ông	Nguyễn Minh Thành	Ủy viên
Ông	Vũ Ninh	Ủy viên
Ông	Vũ Tiến Nghĩa	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

Ông	Vũ Ninh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25/09/2017)
Ông	Phạm Văn Hệ	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/09/2017)

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Phạm Văn Hệ**  
**Tổng Giám đốc**

*Thái Bình, ngày 09 tháng 02 năm 2018*

Số: 92/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình được lập ngày 09 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Vũ Ngọc An**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018*

**Phan Thanh Nam**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.248.435.278</b>	<b>43.505.365.233</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>155.678.315</b>	<b>5.359.425.014</b>
1. Tiền	111		155.678.315	5.359.425.014
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.707.197.303</b>	<b>18.000.252.159</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	31.684.779.259	14.410.076.048
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	3.321.971.700
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.343.730.644	589.517.011
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(321.312.600)	(321.312.600)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.152.946.934</b>	<b>18.891.030.035</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	15.152.946.934	18.891.030.035
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>232.612.726</b>	<b>1.254.658.025</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	232.612.726	1.254.658.025
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.254.366.614</b>	<b>17.859.408.603</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.237.041.540</b>	<b>17.671.875.164</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	14.237.041.540	17.671.875.164
- Nguyên giá	222		63.397.030.419	63.137.071.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.159.988.879)	(45.465.196.255)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		33.500.000	33.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.500.000)	(33.500.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>117.991.633</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	117.991.633
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.325.074</b>	<b>69.541.806</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	17.325.074	69.541.806
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>63.502.801.892</b>	<b>61.364.773.836</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40.574.400.677</b>	<b>39.143.357.630</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.574.400.677</b>	<b>39.143.357.630</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	7.517.835.287	6.779.953.246
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.720.072.153	1.938.907.640
4. Phải trả người lao động	314		1.670.630.750	2.003.932.463
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		168.397.063	133.386.922
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	1.209.015.234	1.230.703.339
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	24.999.430.307	24.991.046.690
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.12	1.273.895.217	1.018.602.664
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.015.124.666	1.046.824.666
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.928.401.215</b>	<b>22.221.416.206</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>22.928.401.215</b>	<b>22.221.416.206</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.102.800.000	15.102.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.102.800.000	15.102.800.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.125.670.663	1.125.670.663
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.485.918.238	3.485.918.238
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.214.012.314	2.507.027.305
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.507.027.305	1.793.096.885
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		706.985.009	713.930.420
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>63.502.801.892</b>	<b>61.364.773.836</b>

Người lập



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan

Thái Bình, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hệ



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017		Năm 2016	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	77.249.435.573		68.783.912.857	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	842.297.455		2.021.149.091	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		76.407.138.118		66.762.763.766	
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	67.671.912.970		57.033.418.810	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.735.225.148		9.729.344.956	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	145.461.265		754.793	
7. Chi phí tài chính	22	5.19	2.030.598.604		2.372.492.570	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.030.598.604		2.372.492.570	
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	431.841.983		433.024.363	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	5.422.899.120		5.956.893.112	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		995.346.706		967.689.704	
11. Thu nhập khác	31	5.21	32.838.838		10	
12. Chi phí khác	32	5.21	119.932.512		75.276.689	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	(87.093.674)		(75.276.679)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		908.253.032		892.413.025	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	201.268.023		178.482.605	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		706.985.009		713.930.420	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	468		473	

Người lập

Kế toán trưởng

Thái Bình, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Tổng Giám đốc

  
 Nguyễn Thị Lan

  
 Nguyễn Thị Lan

  
 Phạm Văn Hệ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU 1	MS 2	Năm 2017		Năm 2016	
		3		4	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	76.031.280.606		85.020.159.595	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(67.628.764.950)		(65.058.963.210)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.850.208.757)		(8.030.903.997)	
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.024.597.863)		(2.493.066.657)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(508.321.563)		(200.000.000)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.267.200.550		4.472.951.219	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.239.267.271)		(4.203.729.428)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.952.679.248)</b>		<b>9.506.447.522</b>	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(259.959.000)		(346.200.000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-		165.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	507.932		754.793	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(259.451.068)</b>		<b>(180.445.207)</b>	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	59.352.170.850		67.578.310.702	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(59.343.787.233)		(71.912.014.509)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>8.383.617</b>		<b>(4.333.703.807)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(5.203.746.699)</b>		<b>4.992.298.508</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.359.425.014</b>		<b>367.126.506</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61				
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>155.678.315</b>		<b>5.359.425.014</b>	

Thái Bình, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
 Nguyễn Thị Lan

  
 Nguyễn Thị Lan



Phạm Văn Hệ

# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi Măng Thái Bình tiền thân là Xí nghiệp Xi măng Thái Bình được thành lập theo Quyết định số 163/TC ngày 15 tháng 12 năm 1979 của UBND tỉnh Thái Bình và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình theo Quyết định số 1343/QĐ-UB ngày 22/10/2001 của UBND tỉnh Thái Bình. Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0803000039 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 25 tháng 09 năm 2017.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: TBX

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình là: 15.102.800.000 đồng, được chia thành 1.510.280 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 01 Quách Đình Bảo, Cụm CN Phong Phú, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm: 69 người.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất xi măng, clinker, vôi và thạch cao (chi tiết: Sản xuất xi măng);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn xi măng);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán lẻ xi măng).

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất xi măng trắng.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản vô hình là Phần mềm quản lý.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 18
Máy móc và thiết bị	05 - 17
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

TSCĐ vô hình là phần mềm quản lý xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

197  
TY  
H  
OÁN  
TNA  
191

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình không thành lập các bộ phận kinh doanh riêng biệt theo lĩnh vực kinh doanh, toàn bộ các khoản thu nhập phát sinh và hạch toán tại Công ty nên không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Mặt khác, tài sản của Công ty được theo dõi và quản lý tập trung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam nên cũng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	3.014.994	197.241.719
Tiền gửi ngân hàng	152.663.321	5.162.183.295
<b>Tổng</b>	<b>155.678.315</b>	<b>5.359.425.014</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>31.684.779.259</b>	<b>14.410.076.048</b>
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	3.403.734.991	2.768.303.425
Công ty cổ phần FUJISAN Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	11.979.133.978	371.098.574
Công ty CP kiến trúc mỹ thuật Treelife	11.334.510.926	9.249.782.046
Công ty CP thương mại xi măng Thái Bình	4.552.326.764	1.699.579.403
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	415.072.600	321.312.600
<b>Tổng</b>	<b>31.684.779.259</b>	<b>14.410.076.048</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.343.730.644</b>	-	<b>589.517.011</b>	-
- Tạm ứng	93.461.400	-	199.772.000	-
- Bảo hiểm thiên tai - Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	377.950.000	-
Phải thu khác	2.250.269.244	-	11.795.011	-
<b>Tổng</b>	<b>2.343.730.644</b>	-	<b>589.517.011</b>	-

*Đơn vị tính: VND*

**5.4 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	321.312.600	-	321.312.600	-
<i>Trong đó:</i>				
	<b>Quá hạn 6 tháng-1 năm</b>	<b>Quá hạn 1-2 năm</b>	<b>Quá hạn 2-3 năm</b>	<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
- Công ty TNHH Sản xuất TM DV Minh Nguyên	-	-	-	29.750.000
- Công ty TNHH SX thương mại Rồng Vàng	-	-	-	79.226.750
- Trần Thị Hòa	-	-	-	50.584.300
- Các khoản khác	-	-	-	161.751.550

**5.5 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.864.934.320	-	12.597.190.681	-
Công cụ, dụng cụ	2.605.527.586	-	2.266.234.920	-
Thành phẩm	4.682.485.028	-	4.027.604.434	-
<b>Tổng</b>	<b>15.152.946.934</b>	<b>-</b>	<b>18.891.030.035</b>	<b>-</b>

**5.6 Chi phí trả trước ngắn và dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>232.612.726</b>	<b>1.254.658.025</b>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	232.612.726	1.254.658.025
<b>Dài hạn</b>	<b>17.325.074</b>	<b>69.541.806</b>
Công cụ dụng cụ	17.325.074	69.541.806
<b>Tổng</b>	<b>249.937.800</b>	<b>1.324.199.831</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

MÃU B 09 - DN

*Đơn vị tính: VND*

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị vận tải, truyền dẫn	Phương tiện	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	13.721.416.689	47.996.079.913	1.382.174.817	37.400.000	63.137.071.419
Tăng trong năm	229.359.000	30.600.000	-	-	259.959.000
Mua trong năm	-	30.600.000	-	-	30.600.000
Xây dựng hoàn thành	229.359.000	-	-	-	229.359.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	13.950.775.689	48.026.679.913	1.382.174.817	37.400.000	63.397.030.419
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2017	10.970.050.662	33.653.262.055	804.483.538	37.400.000	45.465.196.255
Tăng trong năm	584.695.934	2.868.246.341	241.850.349	-	3.694.792.624
Khấu hao trong năm	584.695.934	2.868.246.341	241.850.349	-	3.694.792.624
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	11.554.746.596	36.521.508.396	1.046.333.887	37.400.000	49.159.988.879
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2017	2.751.366.027	14.342.817.858	577.691.279	-	17.671.875.164
Tại 31/12/2017	2.396.029.093	11.505.171.517	335.840.930	-	14.237.041.540
Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:					11.838.080.034
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					29.915.737.338

THAI BINH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm tin học	Tổng
	Số dư tại 01/01/2017	33.500.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	33.500.000	33.500.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2017	33.500.000	33.500.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	33.500.000	33.500.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2017	-	-
Tại 31/12/2017	-	-

**5.9 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công Ty Cổ Phần Vicem bao bì Bút Sơn	7.517.835.287	7.517.835.287	6.779.953.246	6.779.953.246
- Cty TNHH Đặng Dũng	799.862.405	799.862.405	1.270.447.095	1.270.447.095
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Trung Thành	2.016.530.961	2.016.530.961	2.481.937.723	2.481.937.723
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ WESALE Việt Nam	1.039.384.168	1.039.384.168	916.526.818	916.526.818
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ WESALE Việt Nam	1.213.712.760	1.213.712.760	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	2.448.344.993	2.448.344.993	2.111.041.610	2.111.041.610
<b>Tổng</b>	<b>7.517.835.287</b>	<b>7.517.835.287</b>	<b>6.779.953.246</b>	<b>6.779.953.246</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2017
<b>Phải nộp</b>	<b>1.938.907.640</b>	<b>2.757.030.074</b>	<b>1.975.865.561</b>	<b>2.720.072.153</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.212.896.699	2.192.818.177	968.875.320	2.436.839.556
Thuế thu nhập doanh nghiệp	442.698.602	266.890.984	508.321.563	201.268.023
Thuế thu nhập cá nhân	77.378.599	4.585.975	-	81.964.574
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	205.933.740	264.628.741	470.562.481	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	28.106.197	28.106.197	-

**5.11 Phải trả khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.209.015.234</b>	<b>1.230.703.339</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	7.418.256
Kinh phí công đoàn	181.333.719	169.217.992
Bảo hiểm xã hội	59.128.444	45.272.272
Bảo hiểm y tế	10.099.104	20.402.254
Bảo hiểm thất nghiệp	4.540.637	9.067.653
Phải trả về cổ phần hóa	700.000.000	700.000.000
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	253.913.330	279.324.912
<i>BHXH tỉnh Thái Bình</i>	<i>253.913.330</i>	<i>253.913.330</i>
<i>Phải trả phải nộp ngắn hạn khác</i>	<i>-</i>	<i>25.411.582</i>
<b>Tổng</b>	<b>1.209.015.234</b>	<b>1.230.703.339</b>

**5.12 Dự phòng phải trả**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.273.895.217</b>	<b>1.018.602.664</b>
Dự phòng quỹ tiền lương	1.273.895.217	1.018.602.664
<b>Tổng</b>	<b>1.273.895.217</b>	<b>1.018.602.664</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Phát sinh trong năm			01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>24.999.430.307</b>	<b>24.999.430.307</b>	<b>59.692.170.850</b>	<b>59.683.787.233</b>	<b>24.991.046.690</b>	<b>24.991.046.690</b>	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Bình	24.999.430.307	24.999.430.307	59.692.170.850	59.683.787.233	24.991.046.690	24.991.046.690	
<b>Tổng</b>	<b>24.999.430.307</b>	<b>24.999.430.307</b>	<b>59.692.170.850</b>	<b>59.683.787.233</b>	<b>24.991.046.690</b>	<b>24.991.046.690</b>	

Hợp đồng số 212/2016-HHTDHM ngày 02/12/2016, hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Ngày đáo hạn: 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo: Thế chấp bằng TSCĐ theo các hợp đồng thế chấp số 126/2015/HĐTC ngày 30/10/2015, 127/2015/HĐTC ngày 30/10/2015, 128/2015/HĐTC ngày 30/10/2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.14 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>Đơn vị tính: VND</u> Tổng
Số dư tại 01/01/2016	15.102.800.000	1.125.670.663	3.485.918.238	1.793.096.885	21.507.485.786
Lãi	-	-	-	713.930.420	713.930.420
Số dư tại 31/12/2016	15.102.800.000	1.125.670.663	3.485.918.238	2.507.027.305	22.221.416.206
Số dư tại 01/01/2017	15.102.800.000	1.125.670.663	3.485.918.238	2.507.027.305	22.221.416.206
Lãi trong năm	-	-	-	706.985.009	706.985.009
Số dư tại 31/12/2017	15.102.800.000	1.125.670.663	3.485.918.238	3.214.012.314	22.928.401.215

MÁU B 09 - DN

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ông Nguyễn Minh Thành	849.750.000	849.750.000
Ông Vũ Tiến Nghĩa	3.500.000.000	3.500.000.000
Ông Vũ Tiến Dũng	3.600.000.000	3.600.000.000
Vốn của Cổ đông khác	7.153.050.000	7.153.050.000
<b>Tổng</b>	<b>15.102.800.000</b>	<b>15.102.800.000</b>

**5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.093.436.327	337.362.336
Doanh thu bán thành phẩm	73.052.362.901	68.390.186.903
Doanh thu cung cấp dịch vụ	103.636.345	56.363.618
<b>Tổng</b>	<b>77.249.435.573</b>	<b>68.783.912.857</b>

**5.16 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	842.297.455	2.021.149.091
<b>Tổng</b>	<b>842.297.455</b>	<b>2.021.149.091</b>

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.021.890.390	319.348.729
Giá vốn của thành phẩm đã bán	63.650.022.580	56.714.070.081
<b>Tổng</b>	<b>67.671.912.970</b>	<b>57.033.418.810</b>

**5.18 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	145.461.265	754.793
<b>Tổng</b>	<b>145.461.265</b>	<b>754.793</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.19 Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	2.030.598.604	2.372.492.570
<b>Tổng</b>	<b>2.030.598.604</b>	<b>2.372.492.570</b>

**5.20 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>431.841.983</b>	<b>433.024.363</b>
Chi phí nhân viên	153.308.650	235.363.530
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	3.919.559	7.464.277
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	-	38.919.210
Chi phí khấu hao TSCĐ	33.025.752	33.025.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.469.801	11.444.480
Chi phí bằng tiền khác	65.118.221	106.807.114
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>5.422.899.120</b>	<b>5.956.893.112</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.451.484.394	3.770.861.711
Chi phí vật liệu quản lý	230.352.886	385.412.913
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.053.868	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	56.767.536	75.438.108
Thuế phí và lệ phí	371.212.016	420.850.906
Chi phí dự phòng	-	43.378.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	814.404.664	883.137.464
Chi phí bằng tiền khác	380.623.756	377.813.195
<b>Tổng</b>	<b>5.854.741.103</b>	<b>6.389.917.475</b>

**5.21 Thu nhập khác, Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>32.838.838</b>	<b>10</b>
Thu nhập khác	32.838.838	10
<b>Tổng</b>	<b>32.838.838</b>	<b>10</b>
<b>Chi phí khác</b>	<b>-</b>	<b>150.000.000</b>
Thanh lý tài sản	-	150.000.000
Giá trị còn lại thanh lý tài sản	-	(209.237.375)
Chi phí khác	119.932.512	134.514.064
<b>Tổng</b>	<b>119.932.512</b>	<b>75.276.689</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(87.093.674)</b>	<b>(75.276.679)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	201.268.023	178.482.605
<b>Tổng</b>	<b>201.268.023</b>	<b>178.482.605</b>

**5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	706.985.009	713.930.420
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	706.985.009	713.930.420
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.510.280	1.510.280
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>468</b>	<b>473</b>

Năm 2017, Công ty chưa có nghị quyết về trích lập các quỹ. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu không bao gồm điều chỉnh về quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2017. Tương tự, Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ nên lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 chưa bao gồm điều chỉnh về quỹ khen thưởng phúc lợi.

**5.24 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.537.431.135	43.750.707.008
Chi phí nhân công	9.690.919.825	9.976.405.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.694.792.624	4.195.679.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.350.333.689	5.433.890.021
Chi phí khác bằng tiền	934.814.109	969.957.977
<b>Tổng</b>	<b>72.208.291.382</b>	<b>64.326.640.395</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

**Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	744.420.897	811.718.845
Lương và Thù lao		
<b>Tổng</b>	<b>744.420.897</b>	<b>811.718.845</b>

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

*Thái Bình, ngày 09 tháng 02 năm 2018*

**Tổng Giám đốc**



*Nguyễn Thị Lan*

**Nguyễn Thị Lan**

**Phạm Văn Hệ**

